

Bản án số: **108/2025/HNGĐ-ST**
Ngày 19-8-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Huỳnh Hường

Bà Lê Trường An

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Linh là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lý Văn H, sinh năm 1983 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp R, xã S, tỉnh Cà Mau).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp M, xã K, tỉnh Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Lý Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lý Văn H và chị Nguyễn Thị N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau ngày 06/3/2010. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không phù hợp, thường xuyên mâu thuẫn cự cãi nhau và ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay anh H yêu cầu ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Lý Hải L (nam), sinh ngày 11/5/2010 và Lý Hải A (nam), sinh ngày 22/02/2013. Khi ly hôn, anh H giao cả hai con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H và chị N tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Anh H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 16/7/2025, chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N thống nhất với lời trình bày của anh H về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và có đăng ký kết hôn. Nay chị N đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung như anh H trình bày, hiện nay chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi Lý Hải L mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, chị N đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Lý Văn H và chị Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lý Văn H và chị Nguyễn Thị N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã K, tỉnh Cà Mau) ngày 06/3/2010 đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị N được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện, anh H yêu cầu ly hôn với chị N, tại văn bản ngày 16/7/2025, chị N cũng đồng ý ly hôn với anh H. Do đó, việc thuận tình ly hôn giữa anh H và chị N là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh H và chị N có 02 người con chung tên Lý Hải L (nam), sinh ngày 11/5/2010 và Lý Hải A (nam), sinh ngày 22/02/2013, hiện nay chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H và chị N thống nhất thỏa thuận giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Sự thỏa thuận của anh H và chị N là trên tinh thần tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Đồng thời, phù hợp với nguyện vọng của các con chung tại văn bản ngày 18/7/2025 nên được chấp nhận. Giao cháu Lý Hải L và Lý Hải A cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi Lý Hải L mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn của vợ chồng là ngang nhau và cần xem xét trên cơ sở điều kiện sống, thu nhập của chị N. Khi ly hôn, anh H giao cả 02 người con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng nhưng hoàn cảnh sinh hoạt và thu nhập của chị N gặp khó khăn, không đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng cả 02 người con chung nên chị N yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 01 người con chung là Lý Hải L mỗi tháng 1.500.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Chị N không xác định phương thức cấp dưỡng và thời điểm cấp dưỡng nhưng để đảm bảo quyền lợi cho con chung, cần buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu Hải L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Lý Văn H ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lý Hải L (nam), sinh ngày 11/5/2010 và Lý Hải A (nam), sinh ngày 22/02/2013 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Lý Văn H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Buộc anh Lý Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Lý Hải L mỗi tháng 1.500.000 đồng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng kể từ ngày 19/8/2025 cho đến khi Lý Hải L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải

thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lý Văn H và chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Anh Lý Văn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Ngày 23/6/2025, anh Lý Văn H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai số 0005776 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau), đối trừ, anh Lý Văn H còn phải tiếp tục nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- UBND xã K, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Minh Út